

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-10-2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và cấp dưỡng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vàng Huy Lập

Bà Nguyễn Đăng Khánh Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Chiên – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 614/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Chị Phan Thị Cẩm H, sinh năm: 1995; cư trú tại: đường Q, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

***-Bị đơn:*** Anh Trương Tấn T, sinh năm: 1993; cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi sinh sống: đường P, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm H trình bày thì:* Chị H và anh Trương Tấn T tổ chức lễ cưới và chung sống chung với nhau từ năm 2014 tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2016, thì vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh T không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh T bỏ nhà đi nhiều ngày không về. Chị H đã về thành phố Đ sống từ năm 2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Hiện, anh T

đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Triệu V, sinh ngày 03/7/2015, hiện con đang ở với mẹ. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trương Tấn T trình bày thì: Thống nhất về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và việc tự nguyện kết hôn giữa anh và chị H như chị H trình bày trên. Quá trình vợ chồng chung sống không có sự hoà hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân. Nay, anh T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Ly hôn, anh T đồng ý giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T cũng xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm H yêu cầu ly hôn anh Trương Tấn T, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T hiện sinh sống tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng có văn bản thoả thuận đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Tấn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy chị Phan Thị Cẩm H và anh Trương Tấn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có sự quan tâm, chia sẻ cùng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân thời gian dài nhưng hai bên cũng không tìm biện pháp để hàn gắn. Vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã kéo dài và trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị H và anh T ly hôn.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trương Triệu V, sinh ngày 03/7/2015. Chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng. Xét thấy, hiện cháu V mới hơn 3 tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn và cũng đang sống ổn định cùng mẹ. Anh T cũng đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý mức cấp dưỡng nói trên nên căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Cẩm H và anh Trương Tấn T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Triệu V, sinh ngày 03/7/2015 cho chị Phan Thị Cẩm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Tấn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Chị Phan Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai

thu tiền số AA/2016/0008... ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Anh Trương Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đ;
- UBND phường I, TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Lê Thị Lệ Quyên**